

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẾN CẦU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24-4-2018

“V/v tranh chấp về nuôi con và chia  
tài sản của nam nữ chung sống với  
nhau như vợ chồng mà không đăng  
ký kết hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Hùng Dũng;

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Chu Y- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2017/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2017/QĐXX - ST ngày 06 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N., sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Ấp Long P., xã Long K., huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Tô Văn T., sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Ấp Long P., xã Long K., huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N. trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T. tự quen biết rồi tự về chung sống với nhau vào năm 1991 không có đăng ký kết hôn. Hia ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2011 giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, ly thân nhiều lần do ông T. không lo làm ăn mà thường xuyên cờ bạc, rượu chè, nhiều lần đánh đập, đuổi bà ra khỏi nhà. Bà đã cố gắng khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông T. không sửa đổi, ông bà ly thân từ năm 2011 cho đến nay do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn.

- Về con chung:

Bà và ông T. có 03 con chung tên Tô Thanh T1, sinh năm: 1992 hiện làm công ty điện lực; Tô Thị T2, sinh năm: 1994 đã lấy chồng hiện sống với gia đình chồng tại xã Long Giang, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; Tô Văn T3, sinh ngày: 03/9/2000 hiện đang sống chung với ông T. từ khi ông bà ly thân.

Do anh Tòng và chị Thi đã thành niên và tự lao động được nên bà không có yêu cầu gì. Riêng với em Toàn chưa thành niên thì bà yêu cầu được nuôi em Toàn theo nguyện vọng của em Toàn, ông T. không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con được thăm nom con, không ai cản trở.

- Về tài sản chung:

Theo đơn khởi kiện ngày 27-10-2017 bà trình bày tài sản chung yêu cầu chia gồm có 0,6 ha đất ruộng do cha mẹ cho và 100m<sup>2</sup> đất có cất nhà do vợ chồng mua. Bà yêu cầu được hưởng 100m<sup>2</sup> đất gắn với nhà để bà nuôi con, giao cho ông T. hưởng 0,6 ha đất ruộng tại ấp Long Phú, xã Long Khánh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản đối chất ngày 27-02-2018 ông bà thống nhất tự thỏa thuận chia tài sản khi ly hôn. Ngày 14-3-2018, bà N. có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về tài sản chung đối với ông T., lý do là gia đình tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Tô Văn T. trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Về cơ sở hôn nhân, thời gian chung sống, ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn như bà N. trình bày là đúng, do mâu thuẫn không chung sống được nữa nên ông thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn.

- Về con chung: Ông trình bày ông bà có 03 con chung như bà N. khai là đúng. Ông không có yêu cầu gì đối với anh T1 và chị T2, riêng đối với em T3

chưa thành niên thì ông đồng ý giao con cho bà N. nuôi theo nguyện vọng của em T3, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T. theo Khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự không vi phạm về tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị N. và ông Tô Văn T. là vợ chồng. Về con chung đã thành niên là anh T1 và chị T2 không đặt ra giải quyết, đối với em T3 chưa thành niên có nguyện vọng sống chung với bà N. theo nguyện vọng của em Toàn. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà N.. Về nợ chung, ông bà thống nhất không có nên không đặt ra giải quyết. Án phí bà N. chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết, bị đơn ông Tô Văn T. có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T. theo quy định tại Khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N. và ông Tô Văn T. chung sống với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện kết hôn nhưng trong suốt thời gian chung sống từ năm 1991 cho đến nay bà N. và ông T. không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy cần tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị N. và ông Tô Văn T. là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà N. và ông T. 03 con chung, trong đó có 02 con chung là Tô Thanh T1 và Tô Thị T2 đã thành niên nên không đặt ra giải quyết việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Riêng Tô Văn T3 chưa thành niên, ông bà thống nhất theo nguyện vọng của em Toàn, người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng. Do đó giao em Toàn cho bà N. trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T. không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung:

Ngày 14-3-2018 bà N. có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung giữa bà với ông T. lý do là ông bà đã tự thỏa thuận giải quyết nên Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà N..

Tòa án báo cho bà N. biết là chị được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu chia tài sản chung với ông T. theo quy định tại Khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Hoàn trả cho bà N. 1.075.000 đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp theo biên lai thu số 0021081 ngày 31-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Bà N. và ông T. không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị (nêu trên) phù hợp có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N. phải chịu án phí theo qui định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị N. và ông Tô Văn T. là vợ chồng.

2. Về con chung:

Ghi nhận bà Nguyễn Thị N. và ông Tô Văn T. có 03 con chung. Đối với 02 con chung tên Tô Thanh T1, sinh năm: 1992 và Tô Thị T2, sinh năm: 1994 đã thành niên nên không đặt ra giải quyết việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao con chung tên Tô Văn T3, sinh ngày: 03/9/2000 cho bà Nguyễn Thị N. trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T. không phải cấp

đường nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

### 3. Về tài sản chung:

Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị N. đối với ông Tô Văn T..

Bà Nguyễn Thị N. có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N. 1.075.000 (một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp theo biên lai thu số 0021081 ngày 31-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Bà Nguyễn Thị N. và ông Tô Văn T. không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N. chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân gia đình, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021081 ngày 31-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Án phí bà Nguyễn Thị N. đã thi hành xong.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự tham gia phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THA Bến Cầu;
- UBND xã Long Khánh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Mai**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**      **THẨM PHÁN**  
**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Mai**

